

指定緊急避難場所

洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 高潮 地震 津波 火事

No	名 称	住 所	災害種別
107	国府大社児童遊園	豊川市国府町流霞5-1	地震
108	東山公園	豊川市御油町汲ヶ谷284-1	地震
109	一ノ坪公園	豊川市御油町一ノ坪93	地震
110	下河原公園	豊川市御油町下川原123	地震
111	栗木山公園	豊川市御油町栗木山185	地震
112	かけした公園	豊川市御油町欠下57	地震
113	御油児童遊園	豊川市御油町一ノ橋20-26	地震
114	東沢児童遊園	豊川市御油町炮六土28-2	地震
115	東山第一ちびっ子広場	豊川市御油町汲ヶ谷2	地震
116	東山第二ちびっ子広場	豊川市御油町汲ヶ谷135	地震
117	御油東広場	豊川市八幡町大宝山8-11	地震
118	御油松並木公園	豊川市御油町並松20	地震
119	青馬児童遊園	豊川市新青馬町1丁目1	地震
120	新栄児童遊園	豊川市新栄町3丁目75-1	地震
121	市木公園	豊川市為当町椎木31	地震
122	椎木公園	豊川市為当町椎木297	地震
123	為当ちびっ子広場	豊川市為当町仲上63-6	地震
124	為当稻荷神社児童遊園	豊川市為当町宮脇44	地震
125	国府東ちびっ子広場	豊川市森4丁目68-38	地震
126	くすのき公園	豊川市八幡町大池3-3	地震
127	上宿児童遊園	豊川市八幡町上宿13-1	地震
128	六光寺公園	豊川市平尾町六光寺地内	地震
129	足山田公民館	豊川市足山田町若宮5-1	地震
130	足山田野球場	豊川市足山田町滝場33-1	地震
131	上新切東公園	豊川市一宮町旭196	地震
132	上新切中公園	豊川市一宮町旭75	地震
133	上新切西公園	豊川市一宮町豊37	地震
134	一宮錦公園	豊川市一宮町錦9	地震
135	一宮社公園	豊川市一宮町社157	地震
136	一宮幸公園	豊川市一宮町幸33	地震
137	一宮緑公園	豊川市一宮町緑61	地震
138	一宮栄公園	豊川市一宮町栄111	地震
139	一宮泉公園	豊川市一宮町泉52	地震
140	下新切広場	豊川市一宮町下新切65	地震
141	上長山コミュニティーセンター	豊川市上長山町東新屋12	地震
142	上長山庭球場	豊川市上長山町下三手川48-1	地震
143	東山広場	豊川市上長山町大東原42-1	地震
144	江島ふれあいセンター	豊川市江島町北裏12-1	地震
145	いこいの広場	豊川市江島町三玉33-6	地震
146	金沢構造改善センター	豊川市金沢町金山19-2	地震
147	篠田集落センター	豊川市篠田町割塚9-2	地震
148	東上野球場	豊川市東上町炭焼9-8	地震
149	大和ちびっ子広場	豊川市豊津町割田53-1	地震
150	やりみず第一ちびっ子広場	豊川市大木町鍵水320-9	地震
151	一丁目大木ひまわり公園	豊川市大木町新通1丁目104	地震
152	二丁目大木もみのき公園	豊川市大木町新通2丁目31	地震
153	大木 1 号公園	豊川市大木町新通4丁目249	地震
154	四丁目大木帯川公園	豊川市大木町新通4丁目124	地震

津波避難ビル

名 称	住 所	災害種別	名 称	住 所	災害種別	名 称	住 所	災害種別
豊川市消防署南分署 (屋上の一部)	豊川市御津町 下佐脇野先52-4	津波	御津南部小学校 (南校舎2・3階、北校舎2階)	豊川市御津町 御馬加美15	津波	小坂井西小学校 (北校舎2階)	豊川市伊奈町 縫殿55-1	津波

No	名 称	住 所	災害種別
155	五丁目大木風の公園	豊川市大木町新町通5丁目80	地震
156	赤坂広場	豊川市赤坂町紅里133-1	地震
157	赤坂 2 号公園	豊川市赤坂町大日308	地震
158	サンヒル赤坂東山中央公園	豊川市赤坂町東山444	地震
159	赤坂台 1 号公園	豊川市赤坂台1610	地震
160	赤坂台 2 号公園	豊川市赤坂台1615	地震
161	赤坂台 3 号公園	豊川市赤坂台1626	地震
162	グリーンヒル中公園	豊川市長沢町大覚212	地震
163	グリーンヒル北公園	豊川市長沢町大覚359	地震
164	音羽運動公園	豊川市萩町口猿田2	地震
165	赤根ちびっ子広場	豊川市御津町赤根水神16	地震 津波
166	遊泉寺ちびっ子広場	豊川市御津町赤根宮前17-1	地震 津波
167	上佐脇ちびっ子広場	豊川市御津町上佐脇中区278	地震 津波
168	上佐脇集落センター	豊川市御津町上佐脇敷47-3	地震
169	構造改善センター下佐脇会館	豊川市御津町下佐脇宮本81	地震
170	西方児童遊園	豊川市御津町西方中屋敷43-2	地震 津波
171	西方駅前ちびっ子広場	豊川市御津町西方梨野3-4	地震
172	広石千路児童遊園	豊川市御津町広石千路6-54	地震
173	小坂井拠点避難地	豊川市小坂井町倉屋敷75-1	地震
174	南山グラウンド	豊川市伊奈町南山新田350-80	地震
175	小坂井中央公園	豊川市伊奈町縫殿26-49	地震 津波
176	サツキ公園	豊川市伊奈町新町116-1	地震
177	東宮公園	豊川市篠束町東宮154	地震
178	シャグジ公園	豊川市篠束町東宮215	地震
179	平成公園	豊川市伊奈町新屋281	地震
180	やよい公園	豊川市宿町坂地217	地震
181	茶屋ちびっ子広場	豊川市伊奈町茶屋1	地震
182	平井ちびっ子広場	豊川市平井町水戸田11-1	地震
183	小坂井住宅ちびっ子広場	豊川市伊奈町佐脇原500-99	地震
184	新町ちびっ子広場	豊川市伊奈町新町190-2	地震
185	白山ちびっ子広場	豊川市宿町白山85-1	地震
186	慶応ちびっ子広場	豊川市伊奈町慶応23-193	地震
187	中島ちびっ子広場	豊川市宿町中島109-2	地震
188	中野ちびっ子広場	豊川市小坂井町中野79-1	地震
189	八丁ちびっ子広場	豊川市伊奈町佐脇原415-266	地震
190	前山ちびっ子広場	豊川市伊奈町前山1-175	地震
191	美園集会所前	豊川市美園3丁目1-28	地震
192	新池公園	豊川市伊奈町一ノ坪1	地震
193	佐脇原ちびっ子広場	豊川市伊奈町佐脇原626-72	地震
194	佐平山公園	豊川市宿町佐平山170	地震
195	桜ヶ丘公園及び豊川高等学校グラウンド	豊川市桜ヶ丘町79-2	地震 津波
196	豊川公園	豊川市諏訪1丁目78	地震 津波
197	豊川市消防署南分署(屋上の一部)	豊川市御津町下佐脇野先52-4	津波
198	大草ちびっこ広場	豊川市御津町大草上竹83	津波
199	御津西部保育園	豊川市御津町大草大森96	津波
200	坪野公民館	豊川市御津町坪野六角14	津波
201	坪野児童遊園	豊川市御津町坪野新屋敷2-1	津波
202	ケアハウス一晃	豊川市御津町赤根山田12	津波



豊川市 2026 防災マップ

Mapa de Prevenção de Desastres da Cidade de Toyokawa
Bản đồ phòng chống thảm họa thành phố Toyokawa
Toyokawa City Disaster Prevention Map
丰川市防灾地图

目 次

- 凡例 ————— P.1
- 防災マップ ————— P.2～P.18
- 震度分布図・液状化危険度マップ ————— P.19～P.20
- 避難所一覧表 ————— P.21～P.23

防災マップのみかた

凡例 Legenda(ポルトガル語) / Chú thích(ベトナム語) / Legend(英語) / 凡例(中国語)

	指定避難所 Local de evacuação designado Nơi lánh nạn được chỉ định Designated Evacuation Location 指定避難所		市の防災関連機関 Órgãos municipais de prevenção de desastres Cơ quan liên quan đến phòng chống thảm họa của thành phố Municipal Disaster Prevention-Related Organization(Agency) 市防災相关机关		事業所内保育事業所 Creche Corporativa Cơ sở giữ trẻ trong nơi làm việc On-site Workplace Childcare Facilities 单位内保育事业所		高速自動車道 Auto-estrada(via rápida) Đường cao tốc ô tô Expressway 高速公路
	指定緊急避難場所 Local de Evacuação de Emergência Designado Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định Designated Emergency Evacuation Site 指定緊急避難場所		県の防災関連機関 Órgãos municipais de prevenção de desastres Cơ quan liên quan đến phòng chống thảm họa của tỉnh Municipal Disaster Prevention-Related Organization(Agency) 市防災相关机关		高等学校・その他の学校 Colégio / Outras escolas Trường trung học phổ thông / các trường khác High School / Other Schools 高级中学・其他学校		国道 Avenida nacional Quốc lộ National Route 国道
	津波避難ビル Edifício de Evacuação do Tsunami Tòa nhà lánh nạn khi có sóng thần Tsunami Evacuation Building 海啸避难大楼		国の防災関連機関 Órgãos provinciais de prevenção de desastres Cơ quan liên quan đến phòng chống thảm họa của quốc gia Prefectural Disaster Prevention-Related Organization(Agency) 县防灾相关机关		小・中学校 Primário, Ginásio Trường tiểu học / trung học cơ sở Elementary or Junior High School 中小学		主要地方道 Principais vias locais Đường địa phương chính Main Regional Road 主要地方道路
	消防署 Posto de bombeiro Trạm cứu hỏa Fire Station 消防署		民間その他の防災関連機関 Locais privados de prevenção de desastres Các cơ quan tư nhân liên quan đến phòng chống thảm họa khác Private and other Disaster Prevention-Related Organization(Agency) 民间及其他防灾相关机关		行政界 Limites administrativos nacional, regional, cidade, vila, aldeia Địa giới hành chính National, Prefectural, City, Town, Village Border 行政界		一般県道 Vias locais gerais Đường tỉnh thông thường General Prefectural Road 一般县道
	消防団 Bombeiro Voluntário Đội cứu hỏa Fire company 消防団		保育園 Creche Municipal Nursery School 保育園		大字界 Limite administrativo dos municípios (Oaza) Submunicipal (Oaza) Border 大字界		緊急輸送道路 Avenidas para escape em caso de emergência Tuyến đường vận chuyển khẩn cấp Emergency Transport Road 紧急输送道路
	基幹病院・統括医療機関 Hospital de referência / Instituição médica de coordenação Bệnh viện trọng điểm / Cơ quan y tế tổng quát Core Hospitals / Supervising Medical Institution 基干医院・统括医疗机构		幼稚園 Jardim de Infância Trường mẫu giáo Kindergarten 幼儿园		鉄道 Vias férreas Đường sắt Railroad 铁道		津波避難経路 Roteiro de refúgio em caso de maremoto Lộ trình sơ tán khi có sóng thần Tsunami Evacuation Route 海啸避难路径
	警察署・交番・駐在所 Delegacia de Polícia / Caixa de Polícia / Casa de Polícia Residencial Đồn cảnh sát / Bốt cảnh sát / Trạm lưu trú Police Station / Police Box / Residential Police Box 警察局・派出所・办事处		認定こども園 Instituição de Educação Infantil Credenciada Trường mầm non được chứng nhận Certified Centers for Early Childhood Education and Care 认定儿童园		橋梁 Pontes Cầu Bridge 桥梁		ため池注意箇所 Possíveis áreas de perigo à volta de reservatórios Khu vực cần chú ý gần hồ chứa nước Designated possible danger area around reservoirs 贮水池注意地点
	屋外スピーカー Sistema de aviso sonoro público Loa phát thanh ngoài trời Outdoor Speakers 室外扬声器		小規模保育事業所 Instituição de Educação Infantil de Pequeno Porte Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ Small-Scale Childcare Facilities 小规模保育事业所				

「この地図は、東三河広域連合長の承認を得て、同連合発行の都市計画基本図を使用して作成したものである。(承認番号) 7東三都(測)第1-7号」
「この地図の作成に当たっては、岡崎市の承認を得て、同市発行の1/10,000の都市計画基本図を使用した。(7都第139号)」

津波災害警戒区域 Área de Alerta de Desastres de Tsunami / Khu vực cảnh báo thảm họa sóng thần Tsunami Disaster Warning Area / 海啸灾害警戒区域

基準水位(m)

Critérios de Nível de Água
Mức nước tiêu chuẩn
Water Level Criteria
基准水位

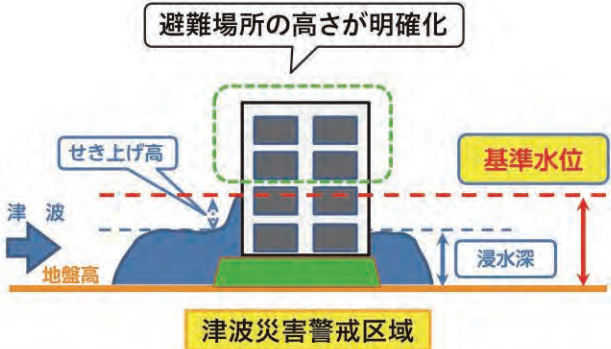
- 2.0~5.0m未満
- 1.0~2.0m未満
- 0.3~1.0m未満
- 0.3m未満
- ー(池など)

基準水位のイメージ

Imagem de Critérios de Nível de Água
Hình ảnh mực nước tiêu chuẩn
Water Level Criteria Image
基准水位示意图

浸水深+せき上げ高=「基準水位」

※「基準水位」は、津波浸水想定の水位に建築物等への衝突による水位の上昇を考慮して定める水位であり、地盤面からの高さで表示しています。津波の発生時における避難施設の避難上有効な高さ等の基準となるものです。詳細については、愛知県のホームページを参照下さい。



土砂災害(特別)警戒区域

土砂災害特別警戒区域
Área sob alerta especial de deslizamento de terra
Khu vực cảnh báo đặc biệt thảm họa sạt lở đất
Sediment-related disaster special warning area
泥沙灾害特别警戒区域

急傾斜地
Terreno íngreme
Khu vực sườn dốc đứng
Steep slopes
陡坡地

土砂災害警戒区域
Área sob alerta de deslizamento de terra
Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất
Sediment-related disaster warning area
泥沙灾害警戒区域

土砂災害特別警戒区域
Área sob alerta especial de deslizamento de terra
Khu vực cảnh báo đặc biệt thảm họa sạt lở đất
Sediment-related disaster special warning area
泥沙灾害特别警戒区域

土石流
Avalanche de rochas e terras
Lũ bùn đá
Earth and rock avalanche
泥石流

土砂災害警戒区域
Área sob alerta de deslizamento de terra
Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất
Sediment-related disaster warning area
泥沙灾害警戒区域

地滑り
Deslizamentos
Trượt lở đất
Landslides
山体滑坡

土砂災害警戒区域
Área sob alerta de deslizamento de terra
Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất
Sediment-related disaster warning area
泥沙灾害警戒区域



凡例

指定避難所

指定緊急避難場所

津波避難ビル

消防署

消防団

警察署・交番・駐在所

基幹病院・統括医療機関

屋外スピーカー

保育園

幼稚園

こども園

小規模保育事業所

事業所内保育事業所

高等学校・その他の学校

小・中学校

市の防災関連機関

県の防災関連機関

国の防災関連機関

民間その他の防災関連機関

高速自動車道

国道

主要地方道

一般県道

緊急輸送道路

津波避難経路

鉄道(JR)

鉄道(私鉄)

行政界

大字界

橋梁

基準水位

津波

警戒区域

急傾斜地

特別警戒区域

特別警戒区域

警戒区域

土砂災害(特別)

土砂災害(特別)

土砂災害(特別)

土砂災害(特別)

地滑り

警戒区域

警戒区域

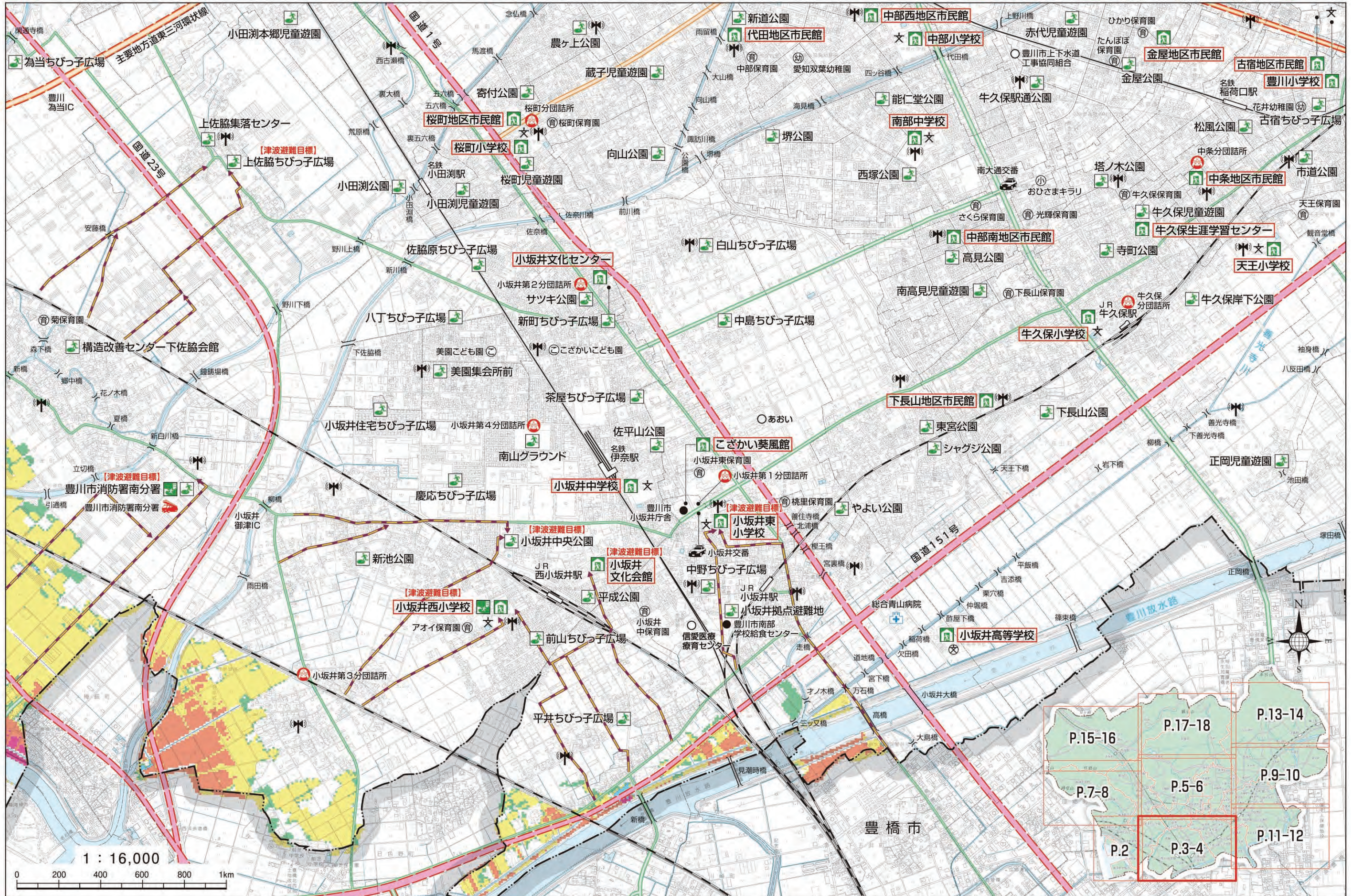
警戒区域

ため池(避難所)

ため池(避難所)

ため池(避難所)

ため池(避難所)



凡例

指定避難所

指定緊急避難場所

津波避難ビル

消防署

消防団

警察署・交番・駐在所

基幹病院・統括医療機関

屋外スピーカー

保育園

幼稚園

こども園

小規模保育事業所

事業所内保育事業所

高等学校・その他の学校

小・中学校

● 市の防災関連機関

▲ 県の防災関連機関

◆ 国の防災関連機関

○ 民間その他の防災関連機関

高速自動車道

国道

主要地方道

一般県道

緊急輸送道路

津波避難経路

鉄道(JR)

鉄道(私鉄)

行政界

大字界

橋 梁

警津

戒波

区災

域害

＜基準水位＞

2.0～5.0m未満

1.0～2.0m未満

0.3～1.0m未満

0.3m未満

ー(池など)

土砂災害(特別)

警戒区域

警戒区域

警戒区域

＜急傾斜地＞

特別警戒区域

警戒区域

警戒区域

＜土石流＞

警戒区域

警戒区域

警戒区域

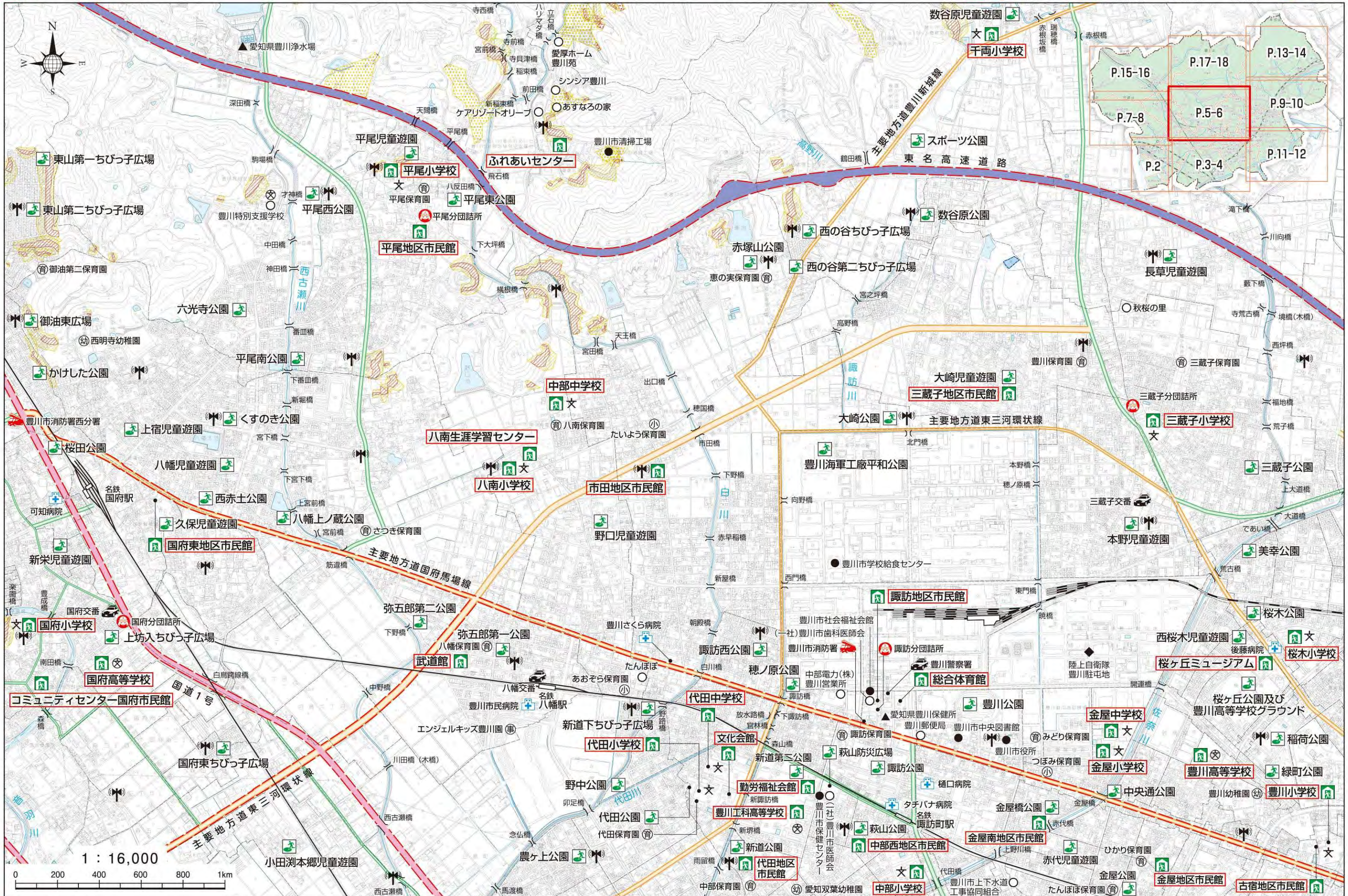
＜地滑り＞

警戒区域

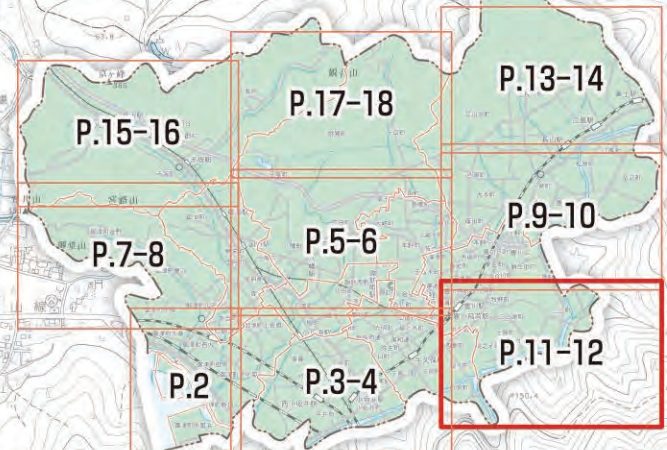
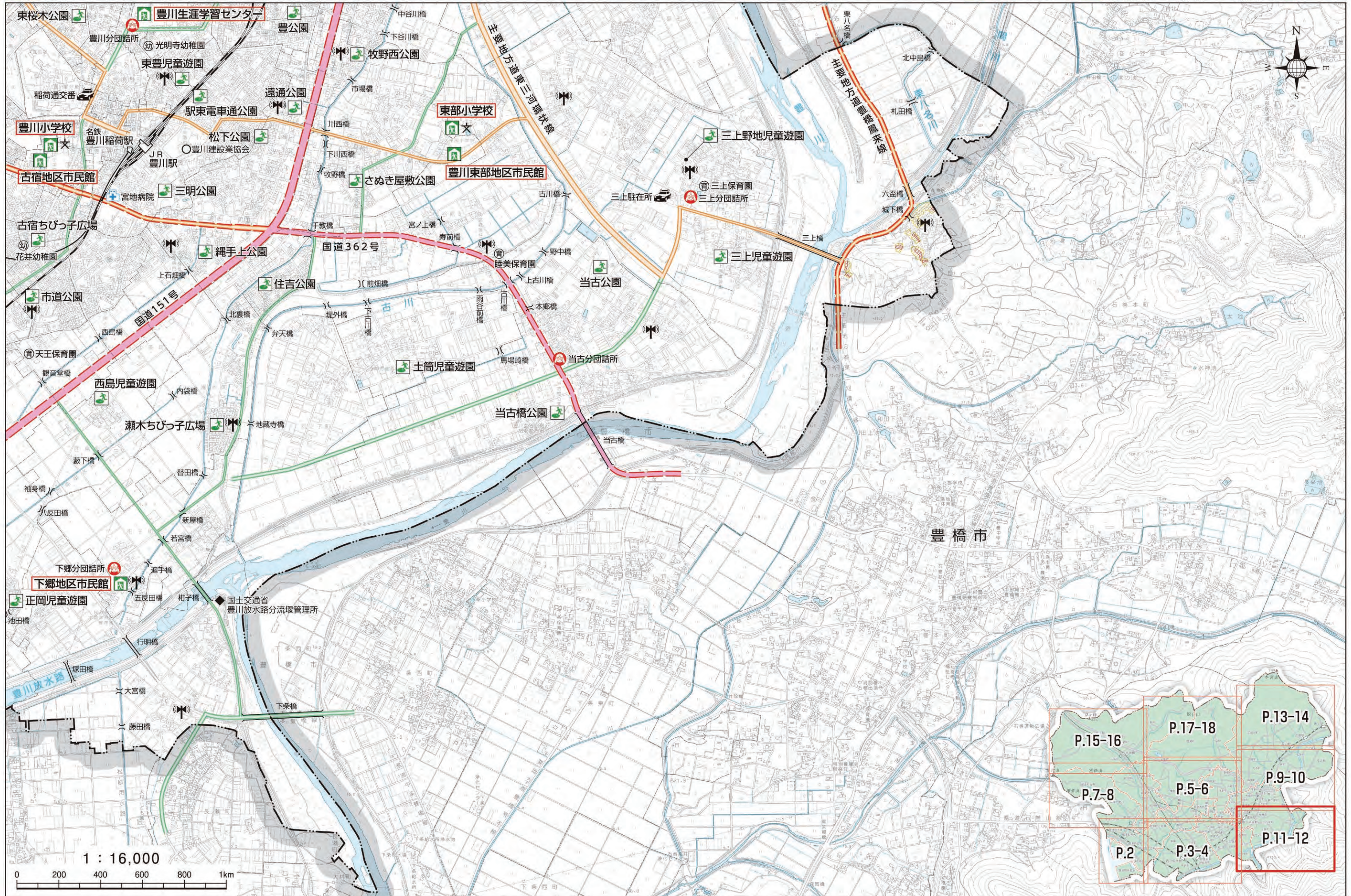
警戒区域

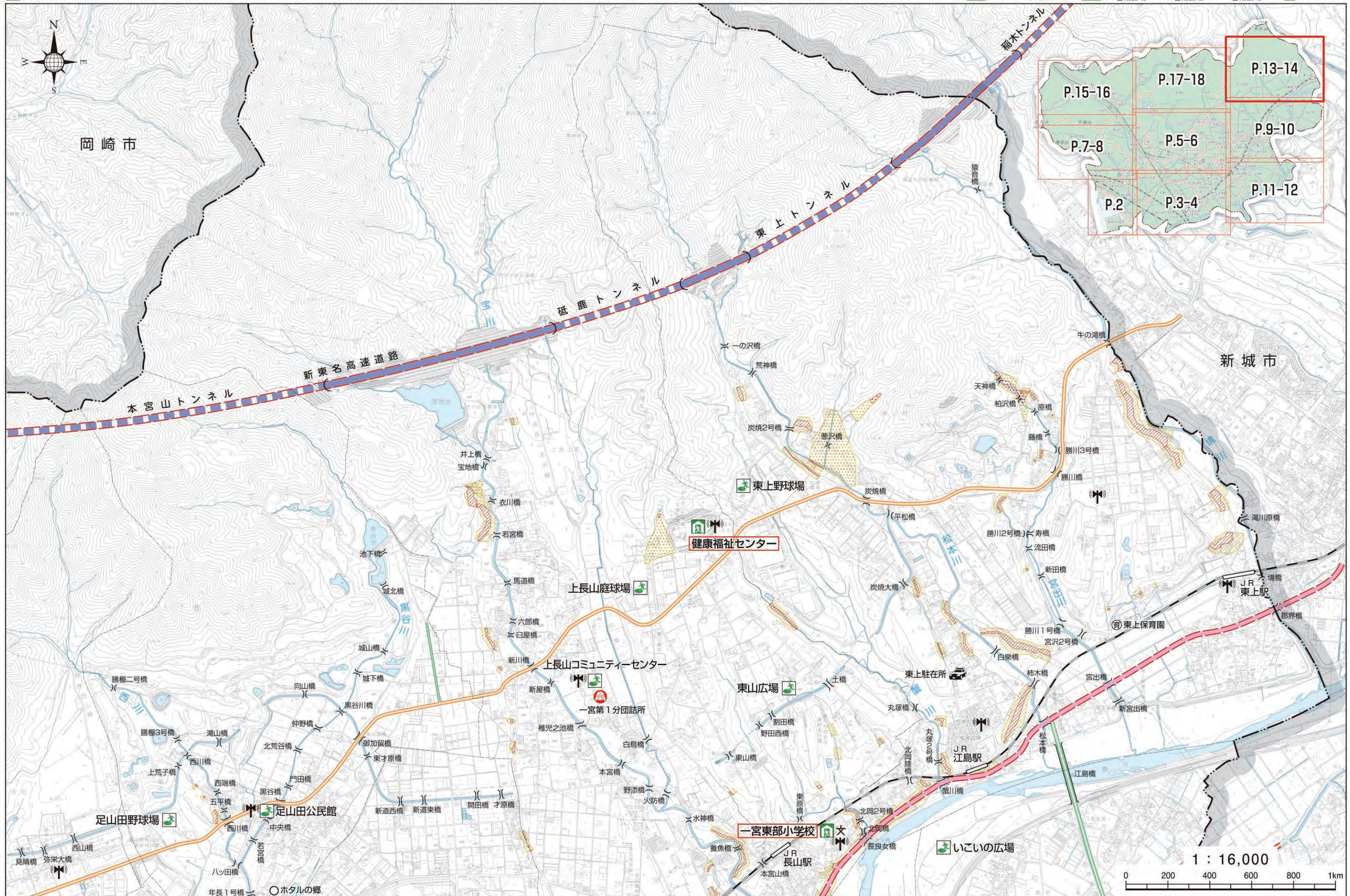
警戒区域

ため池注意箇所



凡例 指定避難所 指定緊急避難場所 津波避難ビル	消防署 消防団 警察署・交番・駐在所	基幹病院・統括医療機関 屋外スピーカー	保育園 幼稚園 こども園 小規模保育事業所	事業所内保育事業所 高等学校・その他の学校 小・中学校	市の防災関連機関 県の防災関連機関 国の防災関連機関 民間その他の防災関連機関	高速自動車道 国道 主要地方道 一般県道	緊急輸送道路 津波避難経路 鉄道(JR) 鉄道(私鉄)	行政界 大字界 橋 梁	津波 津波被害 (基準水位) 2.0~5.0m未満 1.0~2.0m未満 0.3~1.0m未満 0.3m未満 一(池など)	土砂災害(特別) 土砂災害(特別)警戒区域 (急傾斜地) 特別警戒区域 (土石流) 特別警戒区域 (地滑り) 警戒区域	ため池注意箇所 ため池注意箇所
--	--------------------------	------------------------	--------------------------------	-----------------------------------	--	-------------------------------	--------------------------------------	-------------------	---	--	---------------------------





凡例

指定避難所
指定緊急避難場所
津波避難ビル

消防署

消防団

警察署・交番・駐在所

基幹病院・統括医療機関

屋外スピーカー

保育園

幼稚園

こども園

小規模保育事業所

事業所内保育事業所

高等学校・その他の学校

小・中学校

市の防災関連機関

県の防災関連機関

国の防災関連機関

民間その他の防災関連機関

高速自動車道

国道

主要地方道

一般県道

緊急輸送道路

津波避難経路

鉄道(JR)

鉄道(私鉄)

行政界

大字界

橋梁

津波

津波

津波

基準水位

2.0~5.0m未満

1.0~2.0m未満

0.3~1.0m未満

0.3m未満

一(池など)

急傾斜地

特別警戒区域

警戒区域

土砂災害(特別)

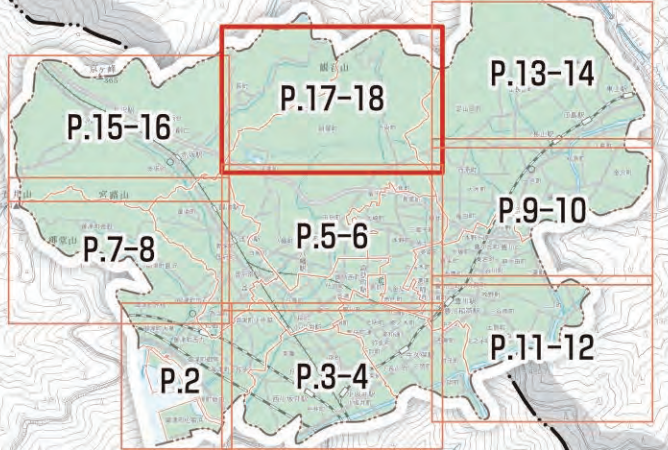
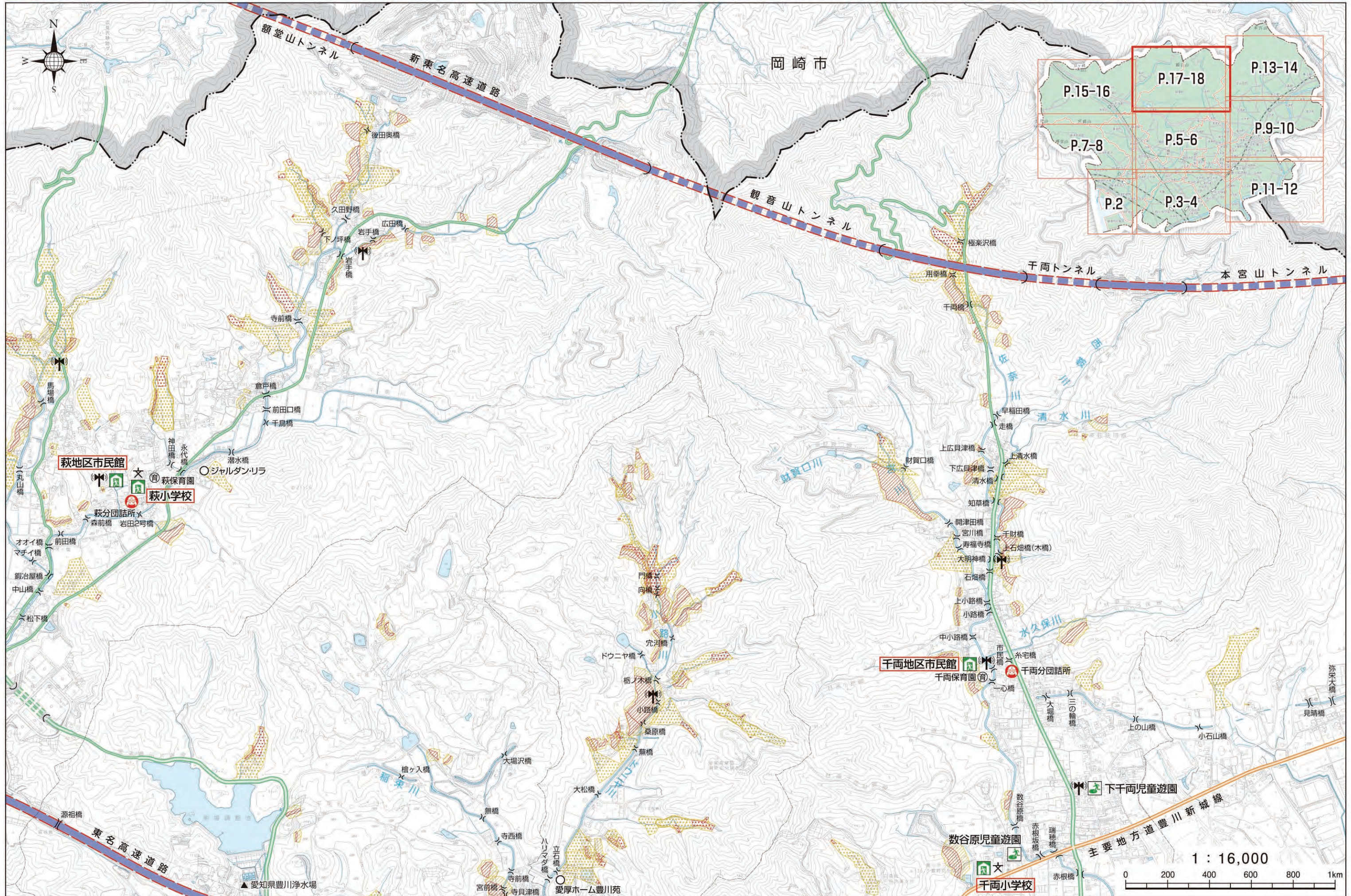
警戒区域

警戒区域

地滑り

警戒区域

ため池注意箇所



震度分布図

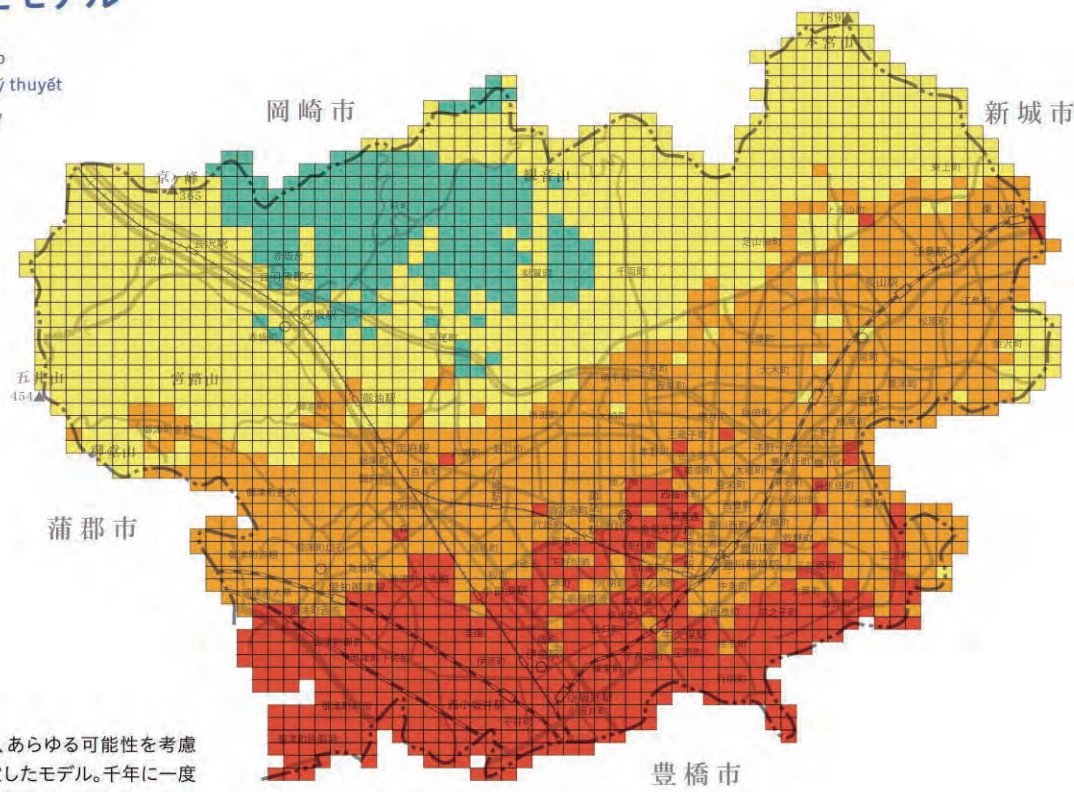
Distribuição de magnitude sísmica mapa / Bản đồ phân bố cường độ địa chấn / Seismic Intensity Map / 地震烈度分布图

理論上最大想定モデル

Suposição teórica de danos causados pelo maior terremoto
Mô hình giả định cực đại trên lý thuyết
Worst Scenario of Theoretically Estimated Disaster
理论上最大设想样板

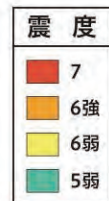


主として「命を守る」という観点で、あらゆる可能性を考慮した最大クラスの地震・津波を想定したモデル。千年に一度あるいはそれよりもっと発生頻度が低いものである。

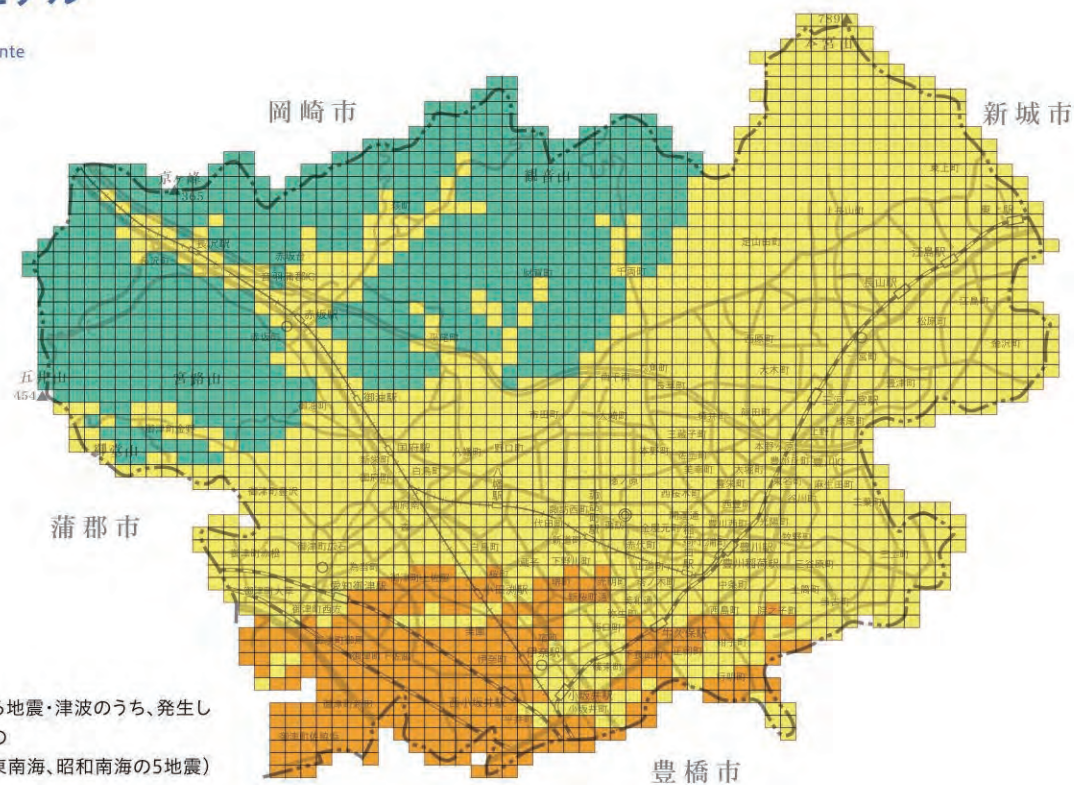


過去地震最大モデル

Danos causados pelo maior terremoto ocorrido anteriormente
Mô hình cường độ địa chấn tối đa trong quá khứ
Worst Case of Earthquake Disaster in the Past
过去地震最大样板



南海トラフで繰り返し発生している地震・津波のうち、発生したことが明らかで規模の大きいもの（宝永、安政東海、安政南海、昭和東南海、昭和南海の5地震）を重ね合わせたモデル。



液状化危険度マップ

Risco de liquefação do solo mapa / Bản đồ mức độ nguy hiểm của hiện tượng đất hóa lỏng / Potential Soil Liquefaction Map / 液状化危険度図 /

理論上最大想定モデル

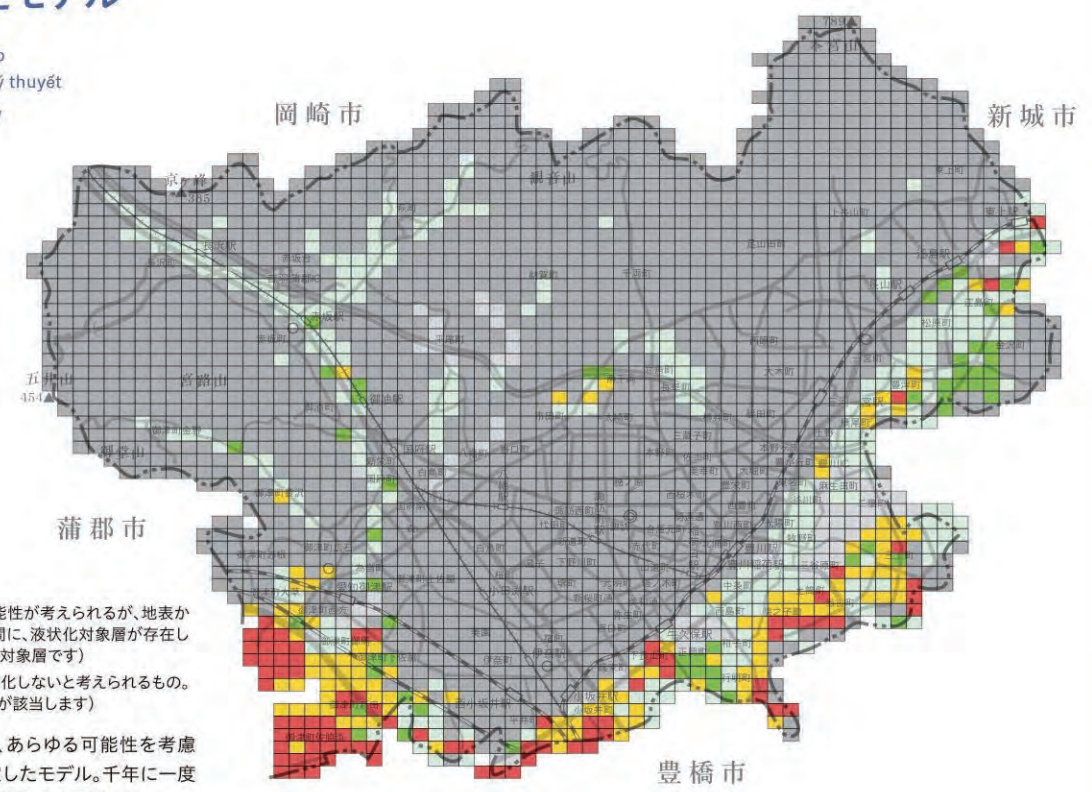
Suposição teórica de danos causados pelo maior terremoto
Mô hình giả định cực đại trên lý thuyết
Worst Scenario of Theoretically Estimated Disaster
理论上最大设想样板



計算対象層なし：地形上は液状化の可能性が考えられるが、地表から深度20mまでの区間に、液状化対象層が存在しないもの。（砂層などが対象層です）

計 算 対 象 外：地形から明らかに液状化しないと考えられるもの。（山地、山麓地、丘陵地が該当します）

主として「命を守る」という観点で、あらゆる可能性を考慮した最大クラスの地震・津波を想定したモデル。千年に一度あるいはそれよりもっと発生頻度が低いものである。



過去地震最大モデル

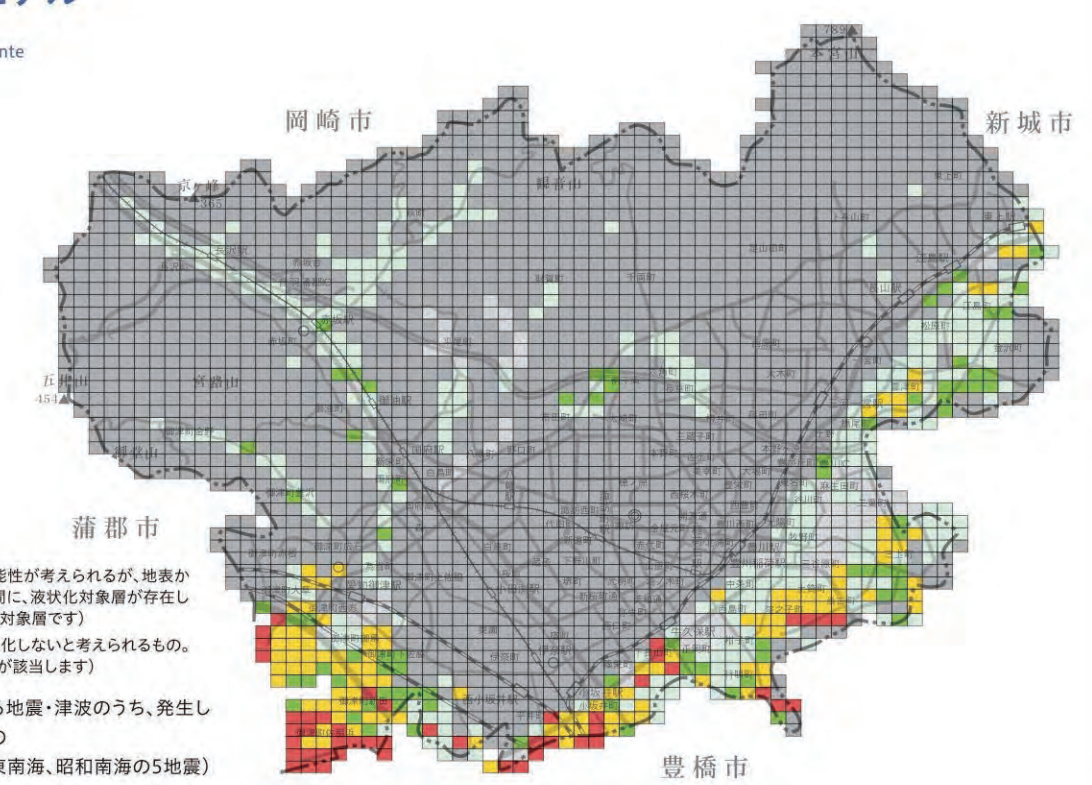
Danos causados pelo maior terremoto ocorrido anteriormente
Mô hình cường độ địa chấn tối đa trong quá khứ
Worst Case of Earthquake Disaster in the Past
过去地震最大样板



計算対象層なし：地形上は液状化の可能性が考えられるが、地表から深度20mまでの区間に、液状化対象層が存在しないもの。（砂層などが対象層です）

計 算 対 象 外：地形から明らかに液状化しないと考えられるもの。（山地、山麓地、丘陵地が該当します）

南海トラフで繰り返し発生している地震・津波のうち、発生したことが明らかで規模の大きいもの（宝永、安政東海、安政南海、昭和東南海、昭和南海の5地震）を重ね合わせたモデル。



避難所一覧表

指定避難所

洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 高潮 地震 津波 火事

No	名 称	住 所	災害種別
1	東部中学校	豊川市西豊町2丁目191	洪水、内水氾濫 地震
2	豊小学校	豊川市東豊町4丁目60	洪水、内水氾濫 地震
3	豊川生涯学習センター	豊川市西豊町2丁目225	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
4	豊地区市民館	豊川市東豊町4丁目53	洪水、内水氾濫 地震
5	東部小学校	豊川市三谷原町石坪1-1	地震
6	豊川東部地区市民館	豊川市牧野町久護28-4	地震
7	豊川小学校	豊川市北浦町31-1	洪水、内水氾濫 地震
8	豊川高等学校	豊川市末広通1丁目37	洪水、内水氾濫 地震
9	古宿地区市民館	豊川市中央通2丁目55	洪水、内水氾濫 地震
10	桜木小学校	豊川市小桜町17	洪水、内水氾濫 地震
11	桜木地区市民館	豊川市東光町3丁目9	洪水、内水氾濫 地震
12	桜ヶ丘ミュージアム	豊川市桜ヶ丘町79-2	洪水、内水氾濫 地震
13	金屋中学校	豊川市金屋西町1丁目2	洪水、内水氾濫 地震
14	金屋小学校	豊川市金屋西町1丁目1	洪水、内水氾濫 地震
15	金屋地区市民館	豊川市金屋本町1丁目61-1	洪水、内水氾濫 地震
16	金屋南地区市民館	豊川市金屋橋町59-1	洪水、内水氾濫 地震
17	三蔵子小学校	豊川市三蔵子町宮前32	洪水、内水氾濫 地震
18	三蔵子地区市民館	豊川市大崎町小林87	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
19	南部中学校	豊川市光明町2丁目42	洪水、内水氾濫 地震
20	中部小学校	豊川市中部町1丁目1	洪水、内水氾濫 地震
21	中部西地区市民館	豊川市萩山町1丁目52-2	洪水、内水氾濫 地震
22	中部南地区市民館	豊川市高見町5丁目5	洪水、内水氾濫 地震
23	牛久保小学校	豊川市牛久保町大手10-2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
24	牛久保生涯学習センター	豊川市牛久保町若子52-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
25	下長山地区市民館	豊川市下長山町堺111-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
26	天王小学校	豊川市牛久保町天王下14-1	地震
27	下郷地区市民館	豊川市柑子町五反田160	地震
28	中条地区市民館	豊川市中条町宮坪21-1	洪水、内水氾濫 地震
29	代田中学校	豊川市代田町1丁目20-1	洪水、内水氾濫 地震
30	代田小学校	豊川市代田町1丁目20-2	洪水、内水氾濫 地震
31	豊川工科高等学校	豊川市新道町1丁目3	洪水、内水氾濫 地震
32	代田地区市民館	豊川市新道町2丁目42	洪水、内水氾濫 地震
33	諏訪地区市民館	豊川市諏訪3丁目242-1	洪水、内水氾濫 地震
34	総合体育館	豊川市諏訪3丁目246	洪水、内水氾濫 地震
35	勤労福祉会館	豊川市新道町1丁目1-3	洪水、内水氾濫 地震
36	文化会館	豊川市代田町1丁目20-4	洪水、内水氾濫 地震
37	桜町小学校	豊川市桜町2丁目7-45	洪水、内水氾濫 地震
38	桜町地区市民館	豊川市桜町3丁目1-5	洪水、内水氾濫 地震
39	中部中学校	豊川市市田町西浦41	洪水、内水氾濫 地震
40	八南小学校	豊川市野口町豊角8-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
41	八南生涯学習センター	豊川市野口町縄手下23	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
42	市田地区市民館	豊川市市田町山鳥47	洪水、内水氾濫 地震
43	武道館	豊川市八幡町弥五郎105	洪水、内水氾濫 地震
44	千両小学校	豊川市千両町数谷原18-2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
45	千両地区市民館	豊川市千両町小路8-4	地震
46	平尾小学校	豊川市平尾町上貝津2-5	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
47	平尾地区市民館	豊川市平尾町中貝津2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震

No	名 称	住 所	災害種別
48	ふれあいセンター	豊川市平尾町親坂36	洪水、内水氾濫 地震
49	西部中学校	豊川市国府町岡本24-2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
50	国府小学校	豊川市国府町寒若寺6-1	洪水、内水氾濫 地震
51	国府高等学校	豊川市国府町下坊入10-1	洪水、内水氾濫 地震
52	コミュニティセンター国府市民館	豊川市国府町下河原62-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
53	国府東地区市民館	豊川市久保町社地7-1	洪水、内水氾濫 地震
54	御油小学校	豊川市御油町膳ノ棚1-4	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
55	御油生涯学習センター	豊川市御油町美世賜185-1	崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
56	一宮中学校	豊川市一宮町上新切33-247	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
57	一宮東部小学校	豊川市上長山町東水神平44-2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
58	健康福祉センター	豊川市上長山町本宮下1-1685	洪水、内水氾濫 地震
59	一宮生涯学習センター	豊川市上長山町小南口原1-500	洪水、内水氾濫 地震
60	一宮体育センター	豊川市一宮町上新切33-259	洪水、内水氾濫 地震
61	一宮西部小学校	豊川市一宮町緑1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
62	一宮南部小学校	豊川市豊津町新地4	地震
63	長慶寺	豊川市金沢町藤弦3・4合地	洪水、内水氾濫
64	音羽中学校	豊川市赤坂町西縄手66	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
65	赤坂小学校	豊川市赤坂町東山140	洪水、内水氾濫 地震
66	赤坂台地区市民館	豊川市赤坂台1608	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
67	音羽文化ホール	豊川市赤坂町松本250	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
68	音羽福祉保健センター	豊川市赤坂町狭石1	洪水、内水氾濫 地震
69	音羽生涯学習センター	豊川市赤坂町西裏47-1	洪水、内水氾濫 地震
70	萩小学校	豊川市萩町岩田9-2	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
71	萩地区市民館	豊川市萩町塩ノ田75-1	洪水、内水氾濫 地震
72	長沢小学校	豊川市長沢町午新88	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
73	長沢地区市民館	豊川市長沢町午新122	洪水、内水氾濫 地震
74	御津中学校	豊川市御津町坪野山下20	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
75	御津南部小学校	豊川市御津町御馬加美15	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
76	西方地区市民館	豊川市御津町西方宮長31	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
77	御馬地区市民館	豊川市御津町御馬西96	洪水、内水氾濫 地震
78	御津生涯学習センター	豊川市御津町西方日暮30	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
79	御津北部小学校	豊川市御津町広石神子田54-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
80	御津あおば高等学校	豊川市御津町豊沢松ノ下1	洪水、内水氾濫 地震
81	広石地区市民館	豊川市御津町広石船津34-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
82	御津体育館	豊川市御津町広石日暮148	洪水、内水氾濫 地震
83	御津文化会館	豊川市御津町広石日暮146	洪水、内水氾濫 地震
84	御津福祉保健センター	豊川市御津町広石坊ヶ坪88	洪水、内水氾濫 地震
85	小坂井中学校	豊川市伊奈町古当103	洪水、内水氾濫 地震
86	小坂井東小学校	豊川市小坂井町西浦87	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
87	小坂井高等学校	豊川市小坂井町欠田100-1	洪水、内水氾濫 地震
88	小坂井文化センター	豊川市伊奈町新町170-2	洪水、内水氾濫 地震
89	小坂井西小学校	豊川市伊奈町縫殿55-1	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震
90	小坂井文化会館	豊川市伊奈町新屋97-2	洪水、内水氾濫 地震
91	こざかい葵風館	豊川市小坂井町大堀10	洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 地震

指定緊急避難場所

洪水、内水氾濫 崖崩れ、土石流及び地滑り 高潮 地震 津波 火事

No	名 称	住 所	災害種別
1	曙公園	豊川市曙町3丁目8	地震
2	曙グラウンド	豊川市曙町4丁目18-1	地震
3	曙児童遊園	豊川市曙町4丁目22	地震
4	首通公園	豊川市東曙町122	地震
5	麻生田児童遊園	豊川市麻生田町宮東39	地震
6	上野公園	豊川市上野2丁目284	地震
7	上野中どおり公園	豊川市上野3丁目13-1	地震
8	大橋公園	豊川市大橋町2丁目20	地震
9	太通公園	豊川市大堀町166	地震
10	礼通公園	豊川市大堀町97	地震
11	桜木公園	豊川市桜木通5丁目7	地震
12	古宿ちびっ子広場	豊川市新宿町1丁目91-1	地震
13	新豊児童遊園	豊川市新豊町1丁目111	地震
14	住吉公園	豊川市住吉町2丁目112	地震
15	遠通公園	豊川市天神町23	地震
16	東光公園	豊川市東光町2丁目71	地震
17	当古公園	豊川市当古町野中35	地震
18	当古橋公園	豊川市当古町清水尻26	地震
19	和通公園	豊川市東名町1丁目63	地震
20	土筒児童遊園	豊川市土筒町前屋敷8	地震
21	三明公園	豊川市豊川町波通34-1	地震
22	駅東電車通公園	豊川市豊川町利通60-7	地震
23	西桜木児童遊園	豊川市西桜木町1丁目51	地震
24	西豊公園	豊川市西豊町2丁目134	地震
25	西豊児童遊園	豊川市西豊町3丁目155	地震
26	市道公園	豊川市花井町12-1	地震
27	縄手上公園	豊川市馬場町縄手上43	地震
28	松下公園	豊川市馬場町松下69	地震
29	東桜木公園	豊川市東桜木町138	地震
30	豊公園	豊川市東豊町4丁目52	地震
31	東豊児童遊園	豊川市東豊町1丁目123	地震
32	本野原第1公園	豊川市本野ヶ原3丁目59	地震
33	本野原第2公園	豊川市本野ヶ原1丁目160	地震
34	牧野西公園	豊川市牧野町2丁目125	地震
35	さぬき屋敷公園	豊川市牧野町柳貝津50-1	地震
36	三上児童遊園	豊川市三上町下屋敷55	地震
37	三上野地児童遊園	豊川市三上町野地56-1	地震
38	稲荷公園	豊川市緑町32	地震
39	緑町公園	豊川市緑町2	地震
40	美幸公園	豊川市美幸町2丁目58	地震
41	谷川公園	豊川市谷川町天王167	地震
42	大橋縄手公園	豊川市大橋町4丁目12	地震
43	赤代児童遊園	豊川市赤代町2丁目5	地震
44	大崎児童遊園	豊川市大崎町小林89-2	地震
45	金屋橋公園	豊川市金屋橋町48	地震
46	金屋公園	豊川市金屋本町2丁目25	地震
47	三蔵子公園	豊川市三蔵子町中荒古34	地震
48	中央通公園	豊川市中央通4丁目43	地震
49	長草児童遊園	豊川市長草町南2	地震
50	本野児童遊園	豊川市本野町東浦39	地震
51	牛久保駅通公園	豊川市牛久保駅通5丁目1	地震
52	寺町公園	豊川市牛久保町八幡口45-3	地震
53	牛久保児童遊園	豊川市牛久保町若子49-1	地震

No	名 称	住 所	災害種別
54	牛久保岸下公園	豊川市牛久保町岸下22-1	地震
55	堺公園	豊川市堺町2丁目34	地震
56	下長山公園	豊川市下長山町岩下91-1	地震
57	新道公園	豊川市新道町2丁目42	地震
58	瀬木ちびっ子広場	豊川市瀬木町替田7-58	地震
59	高見公園	豊川市高見町4丁目84	地震
60	塔ノ木公園	豊川市塔ノ木町1丁目46	地震
61	西島児童遊園	豊川市西島町敷下47	地震
62	西塚公園	豊川市西塚町1丁目32-2	地震
63	萩山公園	豊川市萩山町1丁目110	地震
64	萩山防災広場	豊川市萩山町3丁目77-5	地震
65	正岡児童遊園	豊川市正岡町後田470	地震
66	松風公園	豊川市松風町27	地震
67	南高見児童遊園	豊川市弥生町2丁目8	地震
68	能仁堂公園	豊川市四ツ谷町2丁目46-1	地震
69	新道下ちびっ子広場	豊川市市田町新道下19-18	地震
70	小田淵児童遊園	豊川市小田淵町下垂25-8	地震
71	小田淵本郷児童遊園	豊川市小田淵町7丁目176	地震
72	小田淵公園	豊川市小田淵町8丁目61-1	地震
73	桜町児童遊園	豊川市桜町2丁目7-30	地震
74	寄付公園	豊川市桜町3丁目11-1	地震
75	諏訪西公園	豊川市諏訪西町2丁目158-2	地震
76	諏訪公園	豊川市諏訪3丁目130-1	地震
77	向山公園	豊川市蔵子1丁目5	地震
78	農ヶ上公園	豊川市蔵子3丁目3	地震
79	野中公園	豊川市蔵子4丁目7	地震
80	蔵子児童遊園	豊川市蔵子6丁目13-7	地震
81	代田公園	豊川市代田町1丁目34	地震
82	新道第2公園	豊川市新道町1丁目1-2	地震
83	穂ノ原公園	豊川市穂ノ原2丁目1-16	地震
84	豊川海軍工廠平和公園	豊川市穂ノ原3丁目13-2	地震
85	赤塚山公園	豊川市市田町東堤上1-30	地震
86	大崎公園	豊川市市田町東中野81	地震
87	数谷原児童遊園	豊川市千両町数谷原12	地震
88	下千両児童遊園	豊川市千両町宝辺37-1	地震
89	西の谷ちびっ子広場	豊川市千両町上西の谷53-64	地震
90	西の谷第二ちびっ子広場	豊川市千両町下西の谷2-46	地震
91	数谷原公園	豊川市南千両2丁目100	地震
92	野口児童遊園	豊川市野口町長万41	地震
93	平尾西公園	豊川市平尾町深田140	地震
94	平尾南公園	豊川市平尾町番皿地内	地震
95	平尾児童遊園	豊川市平尾町井の間90	地震
96	弥五郎第一公園	豊川市八幡町鐘鋳場83	地震
97	弥五郎第二公園	豊川市八幡町下天王68	地震
98	八幡児童遊園	豊川市八幡町西赤土1-1	地震
99	八幡上ノ蔵公園	豊川市八幡町上ノ蔵42-1	地震
100	西赤土公園	豊川市豊川西部土地区画整理事業127街区	地震
101	平尾東公園	豊川市平尾町八反田117	地震
102	スポーツ公園	豊川市千両町折橋20-1	地震
103	久保児童遊園	豊川市久保町社地3	地震
104	桜田公園	豊川市国府町桜田133-1	地震
105	山の入りちびっ子広場	豊川市国府町山の入47-15	地震
106	上坊入りちびっ子広場	豊川市国府町上坊入45-18	地震